SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; 06/11/2023; 16:19:26

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2270 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 03 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phân khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn vốn tỉnh hỗ trợ mục tiêu huyện, thị xã, thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/QH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về việc Ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về việc Ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 - nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 152/TTr-SKHĐT ngày 24 tháng 10 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân khai 03 chương trình bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh hỗ trợ mục tiêu như sau:

+ Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025: 13.826 triệu đồng/02 dự án.

+ Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025: 82.816 triệu đồng/50 trụ sở xã.

+ Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025: 10.500 triệu đồng/08 dự án thuộc huyện Châu Thành.

(Đính kèm các phụ biểu chi tiết)

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao Kế hoạch

đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và các Quyết định và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 có liên quan của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị sử dụng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Dương Văn Thắng

Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH - HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025												GHI CHÚ
		TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH					
		TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới	
		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA
B	**HUYỆN QUẢN LÝ**	**5.133.000**	**-**	**190.490**	**-**	**4.942.510**	**-**	**334.715**	**5.467.715**	**-**	**190.490**	**-**	**5.277.225**		
1	**Xây dựng nông thôn mới (Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh)**	**2.502.000**	**-**	**-**	**-**	**2.502.000**	**-**	**-**	**2.502.000**	**-**	**-**	**-**	**2.502.000**		
1.1	*Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới (bao gồm trường chuẩn QG)*	1.690.000		-		1.690.000			1.690.000		-		1.690.000		
1.2	*Huyện NTM*	97.100		-		97.100			97.100		-		97.100		
1.3	*Hỗ trợ XD NTM nâng cao*	540.000		-		540.000			540.000		-		540.000		
1.4	*Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu*	171.000		-		171.000			171.000		-		171.000		
1.5	*Mỗi xã một sản phẩm*	3.900		-		3.900			3.900		-		3.900		
2	**Phát triển thành phố, thị xã**	**1.260.000**		**61.900**		**1.198.100**			**1.260.000**		**61.900**		**1.198.100**		
3	**Hỗ trợ khác**	**1.371.000**		**128.590**		**1.242.410**			**1.371.000**		**128.590**		**1.242.410**		
4	**Hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025**							**28.000**	**28.000**				**28.000**		bổ sung cho phần tỉnh hỗ trợ mục tiêu từ điều chỉnh giảm của phần tỉnh quản lý là 28 tỷ đồng
	Trong đó:														
4.1	*Dự án Hỗ trợ liên kết sản xuất, xay xát và tiêu thụ lúa gạo chất lượng cao theo hướng VietGAP trên địa bàn tỉnh Tây Ninh*												*10.000*		
4.2	*Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nấm ăn và nấm dược liệu trên địa bàn huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh*												*3.826*		
	Còn chưa phân khai												*14.174*		
5	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							96.715	96.715				96.715		NS tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện, NS huyện đối ứng phần còn lại

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025													GHI CHÚ
		TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH						
		TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới		
		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	
6	**Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025**							**210.000**	**210.000**				**210.000**		NS tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện, NS huyện đối ứng phần còn lại (trừ huyện Dương minh Châu, huyện Gò Dầu và thị xã Trảng Bàng NS tỉnh hỗ trợ 70%)
	Cụ thể														
I	**Thành phố Tây Ninh**	**474.250**				**474.250**		**7.855**	**482.105**				**482.105**		
1	Xây dựng nông thôn mới	44.250				44.250			44.250				44.250		
1.1	*Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.*	-				-			-				-		
1.2	*Huyện NTM*	-				-			-				-		
1.3	*Hỗ trợ XD NTM nâng cao*	30.000				30.000			30.000				30.000		
1.4	*Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu*	14.250				14.250			14.250				14.250		
2	Phát triển thành phố, thị xã	280.000				280.000			280.000				280.000		
3	Hỗ trợ khác	150.000				150.000			150.000				150.000		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							4.755	4.755				4.755		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							3.100	3.100				3.100		
II	**Thị xã Hòa Thành**	**423.500**		**29.900**		**393.600**		**23.735**	**447.235**	**-**	**29.900**	**-**	**417.335**		
1	Xây dựng nông thôn mới	73.500		-		73.500			73.500		-		73.500		
1.1	*Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.*	-		-		-			-		-		-		
1.2	*Huyện NTM*	-		-		-			-		-		-		
1.3	*Hỗ trợ XD NTM nâng cao*	45.000		-		45.000			45.000		-		45.000		
1.4	*Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu*	28.500		-		28.500			28.500		-		28.500		

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025												GHI CHÚ
		TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH					
		TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới	
		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA
2	Phát triển thành phố, thị xã	200.000		25.900		174.100			200.000		25.900		174.100		
3	Hỗ trợ khác	150.000		4.000		146.000			150.000		4.000		146.000		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							6.345	6.345				6.345		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							17.390	17.390				17.390		
III	**Huyện Châu Thành**	**781.250**		**2.400**		**778.850**	**-**	**32.695**	**813.945**	**-**	**2.400**	**-**	**811.545**		
1	Xây dựng nông thôn mới	544.250				544.250			544.250				544.250		
1.1	*Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới*	455.000				455.000			455.000				455.000		
1.2	*Huyện NTM*	15.000				15.000			15.000				15.000		
1.3	*Hỗ trợ XD NTM nâng cao*	60.000				60.000			60.000				60.000		
1.4	*Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu*	14.250				14.250			14.250				14.250		
2	Phát triển thành phố, thị xã	80.000				80.000			80.000				80.000		
3	Hỗ trợ khác	157.000		2.400		154.600			157.000		2.400		154.600		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							22.195	22.195				22.195		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							10.500	10.500				10.500		
IV	**Huyện Dương Minh Châu**	**656.250**	**-**	**-**	**-**	**656.250**	**-**	**52.855**	**709.105**	**-**	**-**	**-**	**709.105**		
1	Xây dựng nông thôn mới	429.250				429.250			429.250				429.250		
1.1	*Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.*	325.000				325.000			325.000				325.000		
1.2	*Huyện NTM*	15.000				15.000			15.000				15.000		
1.3	*Hỗ trợ XD NTM nâng cao*	75.000				75.000			75.000				75.000		
1.4	*Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu*	14.250				14.250			14.250				14.250		

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025												GHI CHÚ
		TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH					
		TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới	
		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	
2	Phát triển thành phố, thị xã	70.000				70.000			70.000				70.000		
3	Hỗ trợ khác	157.000				157.000			157.000				157.000		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							15.855	15.855				15.855		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							37.000	37.000				37.000		TMĐT: 66,66 tỷ đồng, NS tỉnh hỗ trợ (70%): 46,66 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ 37 tỷ đồng, phần còn lại 9,66 tỷ đồng sẽ chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030
V	**Thị xã Trảng Bàng**	**625.600**	**-**	**66.690**	**-**	**558.910**	**-**	**75.155**	**700.755**	**-**	**66.690**	**-**	**634.065**		
1	Xây dựng nông thôn mới	225.600				225.600			225.600				225.600		
1.1	*Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.*	130.000				130.000			130.000				130.000		
1.2	*Huyện NTM*	7.100				7.100			7.100				7.100		
1.3	*Hỗ trợ XD NTM nâng cao*	60.000				60.000			60.000				60.000		
1.4	*Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu*	28.500				28.500			28.500				28.500		
2	Phát triển thành phố, thị xã	250.000		36.000		214.000			250.000		36.000		214.000		
3	Hỗ trợ khác	150.000		30.690		119.310			150.000		30.690		119.310		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							4.755	4.755				4.755		

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025												GHI CHÚ
		TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH					
		TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới	
		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							70.400	70.400				70.400		TMĐT: 131,748 tỷ đồng, NS tỉnh hỗ trợ (70%): 92,223 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ 70,4 tỷ đồng, phần còn lại 20,58 tỷ đồng sẽ chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030
VI	**Huyện Gò Dầu**	**529.250**	-	-	-	**529.250**	-	**50.095**	**579.345**	-	-	-	**579.345**		
1	Xây dựng nông thôn mới	219.250				219.250			219.250				219.250		
1.1	*Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.*	130.000				130.000			130.000				130.000		
1.2	*Huyện NTM*	15.000				15.000			15.000				15.000		
1.3	*Hỗ trợ XD NTM nâng cao*	60.000				60.000			60.000				60.000		
1.4	*Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu*	14.250				14.250			14.250				14.250		
2	Phát triển thành phố, thị xã	160.000		-		160.000			160.000		-		160.000		
3	Hỗ trợ khác	150.000				150.000			150.000				150.000		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							12.685	12.685				12.685		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							37.410	37.410				37.410		TMĐT: 67,386 tỷ đồng, NS tỉnh hỗ trợ (70%): 47,17 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ 37,41 tỷ đồng, phần còn lại 9,76 tỷ đồng sẽ chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030
VII	**Huyện Bến Cầu**	**470.500**	-	-	-	470.500	-	**19.025**	**489.525**	-	-	-	**489.525**		
1	Xây dựng nông thôn mới	233.500				233.500			233.500				233.500		
1.1	*Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.*	130.000				130.000			130.000				130.000		
1.2	*Huyện NTM*	15.000				15.000			15.000				15.000		

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025												GHI CHÚ
		TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH					
		TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới	
		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA
1.3	*Hỗ trợ XD NTM nâng cao*	60.000				60.000			60.000				60.000		
1.4	*Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu*	28.500				28.500			28.500				28.500		
2	Phát triển thành phố, thị xã	80.000				80.000			80.000				80.000		
3	Hỗ trợ khác	157.000				157.000			157.000				157.000		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							7.925	7.925				7.925		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							11.100	11.100				11.100		
VIII	**Huyện Tân Biên**	**504.250**	**-**	**41.000**	**-**	**463.250**	**-**	**15.015**	**519.265**	**-**	**41.000**	**-**	**478.265**		
1	Xây dựng nông thôn mới	284.250				284.250			284.250				284.250		
1.1	*Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.*	195.000				195.000			195.000				195.000		
1.2	*Huyện NTM*	15.000				15.000			15.000				15.000		
1.3	*Hỗ trợ XD NTM nâng cao*	60.000				60.000			60.000				60.000		
1.4	*Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu*	14.250				14.250			14.250				14.250		
2	Phát triển thành phố, thị xã	70.000				70.000			70.000				70.000		
3	Hỗ trợ khác	150.000		41.000		109.000			150.000		41.000		109.000		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							9.515	9.515				9.515		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							5.500	5.500				5.500		
IX	**Huyện Tân Châu**	**664.250**	**-**	**50.500**	**-**	**613.750**	**-**	**30.285**	**694.535**	**-**	**50.500**	**-**	**644.035**		
1	Xây dựng nông thôn mới	444.250				444.250			444.250				444.250		
1.1	*Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.*	325.000				325.000			325.000				325.000		
1.2	*Huyện NTM*	15.000				15.000			15.000				15.000		

STT	LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025												GHI CHÚ
		TỔNG NGUỒN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH						ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)	TỔNG NGUỒN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH					
		TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới			TỔNG		DA chuyển tiếp		Dự án KC mới	
		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA		KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA	KH Vốn	Số DA
1.3	*Hỗ trợ XD NTM nâng cao*	90.000				90.000			90.000				90.000		
1.4	*Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu*	14.250				14.250			14.250				14.250		
2	Phát triển thành phố, thị xã	70.000				70.000			70.000				70.000		
3	Hỗ trợ khác	150.000		50.500		99.500			150.000		50.500		99.500		
4	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025							12.685	12.685				12.685		
5	Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025							17.600	17.600				17.600		

Biểu I

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

THÀNH PHỐ TÂY NINH

(Kèm theo Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
	TỔNG						**207.158**	**154.755**	**536.348**	**474.250**	**7.855**	**548.958**	**482.105**	
II	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025**						**207.158**	**154.755**	**536.348**	**474.250**	**7.855**	**548.958**	**482.105**	
II.4	***Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025***						***9.510***	***4.755***	-	-	***4.755***	***9.510***	***4.755***	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						9.510	4.755	-	-	4.755	9.510	4.755	
1	Trụ sở công an xã Thạnh Tân	xã Thạnh Tân, TPTN	Xây mới	2023-2025	158/QĐ-UBND 25/11/2022	1379/QĐ-UBND 27/12/2022	3.170	1.545			1.546	3.170	1.546	
2	Trụ sở công an xã Bình Minh	xã Bình Minh, TPTN	Xây mới	2023-2025	160/QĐ-UBND 28/11/2022	1362/QĐ-UBND 27/12/2022	3.170	1.455			1.454	3.170	1.454	
3	Trụ sở công an xã Tân Bình	xã Tân Bình, TPTN	Xây mới	2023-2025	167/QĐ-UBND 14/12/2022	1358/QĐ-UBND 27/12/2022	3.170	1.755			1.755	3.170	1.755	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
II.5	***Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025***										***3.100***	***3.100***	***3.100***	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025										**3.100**	**3.100**	**3.100**	
1	Chưa phân khai chi tiết										3.100	3.100	3.100	

Biểu II

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

THỊ XÃ HÒA THÀNH

(Kèm theo Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
	TỔNG						**641.200**	**532.448**	**489.353**	**423.500**	**23.735**	**523.418**	**447.235**	
II	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025**						**538.300**	**453.007**	**456.358**	**390.505**	**23.735**	**490.423**	**414.240**	
II.4	***Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025***						***16.675***	***6.345***	-	-	***6.345***	***16.675***	***6.345***	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						16.675	6.345	-	-	6.345	16.675	6.345	
1	Xây dựng mới trụ sở công an xã Long Thành Nam	xã Long Thành Nam, TX Hòa Thành	Xây mới	2024-2025	7069/QĐ-UBND 03/12/2021		5.538	2.115			2.115	5.538	2.115	
2	Xây dựng mới trụ sở công an xã Trường Hòa	xã Trường Hòa, TX Hòa Thành	Xây mới	2024-2025	591/QĐ-UBND 07/12/2021		5.599	2.115			2.115	5.599	2.115	
3	Xây dựng mới trụ sở công an xã Trường Tây	xã Trường Tây, TX Hòa Thành	Xây mới	2025-2026	7071/QĐ-UBND 03/12/2021		5.538	2.115			2.115	5.538	2.115	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
II.5	***Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025***								-	-	**17.390**	**17.390**	**17.390**	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025										**17.390**	**17.390**	**17.390**	
1	Chưa phân khai chi tiết										17.390	17.390	17.390	

Biểu III

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

HUYỆN CHÂU THÀNH

(Kèm theo Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
	TỔNG						**1.064.060**	**958.940**	**1.067.127**	**781.250**	**32.695**	**1.132.661**	**813.945**	
II	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025**						**1.040.010**	**937.295**	**1.064.727**	**778.850**	**32.695**	**1.130.261**	**811.545**	
II.4	***Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025***						**44.579**	**22.195**	**-**	**-**	**22.195**	**44.579**	**22.195**	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						**44.579**	**22.195**	**-**	**-**	**22.195**	**44.579**	**22.195**	
1	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Biên Giới huyện Châu Thành	xã Biên Giới	Xây mới khối nhà làm việc 01 trệt. Xây mới nhà xe 02 bánh. San lấp, sân nền. Hệ thống điện nước; hạ tầng kỹ thuật.	2023-2025	333/QĐ-UBND 19/7/2022	584/QĐ-UBND 30/12/2022	3.171	1.500			1.500	3.171	1.500	
2	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hảo Đước huyện Châu Thành	xã Hảo Đước	XD Khối làm việc (1 trệt, 1 lầu): các phòng làm việc, phòng nghỉ, phòng trực, tạm giữ, tiếp dân, kho, vệ sinh. Nhà để xe CB và nhà để xe tạm giữ; Khuôn viên: sân nền, đường vào, cột cờ, cổng + hàng rào mặt trước.	2023-2025	326/QĐ-UBND 18/7/2022	105/QĐ-UBND 09/3/2023	3.153	1.500			1.500	3.153	1.500	
3	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Phước Vinh huyện Châu Thành	xã Phước Vinh	Phòng làm việc, phòng họp, phòng tiếp dân, kho tạm giữ tang vật vi phạm hành chính, phòng ở CBCS, nhà ăn, nhà xe, phòng tạm giữ hành chính	2022-2024	324/QĐ-UBND 18/7/2022	561/QĐ-UBND 20/12/2022	3.139	1.500			1.500	3.139	1.500	
4	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Đồng Khởi huyện Châu Thành	xã Đồng Khởi	Phòng làm việc, phòng họp, phòng tiếp dân, kho tạm giữ tang vật, phòng ở CBCS, nhà ăn, nhà xe, phòng tạm giữ hành chính	2022-2024	325/QĐ-UBND 18/7/2022	560/QĐ-UBND 20/12/2022	3.170	1.600			1.600	3.170	1.600	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
5	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hòa Hội huyện Châu Thành	xã Hòa Hội	Phòng làm việc, phòng họp, phòng tiếp dân, kho tạm giữ tang vật vi phạm hành chính, phòng ở CBCS, nhà ăn, nhà xe, phòng tạm giữ hành chính	2022-2024	332/QĐ-UBND 19/7/2022	103/QĐ-UBND 09/3/2023	3.156	1.600			1.600	3.156	1.600	
6	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Ninh Điền huyện Châu Thành	xã Ninh Điền	Quy mô: XD Khối làm việc (1 trệt): các phòng làm việc, phòng nghỉ, phòng trực, tạm giữ, tiếp dân, kho, vệ sinh. Nhà để xe CB và nhà để xe tạm giữ.	2023-2025	329/QĐ-UBND 19/7/2022	104/QĐ-UBND 09/3/2023	3.163	1.600			1.600	3.163	1.600	
7	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hòa Thạnh huyện Châu Thành	xã Hòa Thạnh	Xây mới khối nhà làm việc 01 trệt 01 lầu. Xây mới nhà xe 02 bánh; cột cờ. Cải tạo nhà nghỉ cán bộ chiến sĩ. Hệ thống điện nước; hạ tầng kỹ thuật.	2023-2025	334/QĐ-UBND 19/7/2022	583/QĐ-UBND 30/12/2022	3.157	1.600			1.600	3.157	1.600	
8	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Trí Bình huyện Châu Thành	xã Trí bình	Phòng làm việc, phòng họp, phòng tiếp dân, kho tạm giữ tang vật vi phạm hành chính, phòng ở CBCS, nhà ăn, nhà xe, phòng tạm giữ hành chính	2022-2024	331/QĐ-UBND 19/7/2022	537/QĐ-UBND 06/12/2022	3.137	1.595			1.595	3.137	1.595	
9	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã An Cơ huyện Châu Thành	xã An Cơ	Phòng làm việc, phòng họp, phòng tiếp dân, kho tạm giữ tang vật vi phạm hành chính, phòng ở CBCS, nhà ăn, nhà xe, phòng tạm giữ hành chính	2023-2025	323/QĐ-UBND 18/7/2022	140/QĐ-UBND 28/3/2023	3.170	1.600			1.600	3.170	1.600	
10	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Long Vĩnh huyện Châu Thành	xã Long Vĩnh	XD Khối làm việc (1 trệt, 1 lầu): các phòng làm việc, phòng nghỉ, phòng trực, tạm giữ, tiếp dân, kho, vệ sinh. Nhà để xe CB và nhà để xe tạm giữ.	2022-2024	328/QĐ-UBND 19/7/2022	517/QĐ-UBND 28/11/2022	3.169	1.600			1.600	3.169	1.600	
11	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Thái Bình huyện Châu Thành	xã Thái Bình	XD Khối làm việc (1 trệt, 1 lầu): các phòng làm việc, phòng nghỉ, phòng trực, tạm giữ, tiếp dân, kho, vệ sinh. Nhà để xe CB và nhà để xe tạm giữ.	2022-2024	339/QĐ-UBND 22/7/2022	523/QĐ-UBND 01/12/2022	3.170	1.600			1.600	3.170	1.600	
12	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã An Bình huyện Châu Thành	xã An Bình	XD Khối làm việc (1 trệt, 1 lầu): các phòng làm việc, phòng nghỉ, phòng trực, tạm giữ, tiếp dân, kho, vệ sinh. Nhà để xe CB và nhà để xe tạm giữ	2023-2025	327/QĐ-UBND 18/7/2022	212/QĐ-UBND 18/5/2023	3.174	1.600			1.600	3.174	1.600	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
13	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Thành Long huyện Châu Thành	xã Thành Long	XD Khối làm việc (1 trệt, 1 lầu): các phòng làm việc, phòng nghỉ, phòng trực, tạm giữ, tiếp dân, kho, vệ sinh. Nhà để xe CB và nhà để xe tạm giữ.	2022-2024	330/QĐ-UBND 19/7/2022	579/QĐ-UBND 30/12/2022	3.480	1.700			1.700	3.480	1.700	
14	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Thanh Điền huyện Châu Thành	xã Thanh Điền	XD Khối làm việc (1 trệt, 1 lầu): các phòng làm việc, phòng nghỉ, phòng trực, tạm giữ, tiếp dân, kho, vệ sinh. Nhà để xe CB và nhà để xe tạm giữ. Khuôn viên riêng, mới: cần san lấp MB, XD sân nền, thoát nước, cổng hàng rào, trạm điện.	2023-2025	338/QĐ-UBND 22/7/2022		3.170	1.600			1.600	3.170	1.600	
II.5	***Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025***						***20.955***	***10.500***	-	-	***10.500***	***20.955***	***10.500***	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						***20.955***	***10.500***	-	-	***10.500***	***20.955***	***10.500***	
1	Trường TH Bình Phong	xã Thái Bình	xây dựng 04 phòng học, mua sắm thiết bị	2023-2025	266/QĐ-UBND 11/7/2023		2.636	1.300			1.300	2.636	1.300	
2	Trường TH thị trấn Châu Thành A	Thị trấn Châu Thành	xây dựng 04 phòng học, mua sắm thiết bị	2023-2025	270/QĐ-UBND 11/7/2023		2.622	1.300			1.300	2.622	1.300	
3	Trường THCS Thị Trấn	Thị trấn Châu Thành	xây dựng 04 phòng học, mua sắm thiết bị	2023-2025	269/QĐ-UBND 11/7/2023		3.028	1.500			1.500	3.028	1.500	
4	Trường THCS Võ Văn Truyện	xã Thanh Điền	xây dựng 04 phòng học, mua sắm thiết bị	2023-2025	345/QĐ-UBND 18/8/2023		3.217	1.600			1.600	3.217	1.600	
5	Nhà thi đấu đa năng Trường THCS An Bình	xã An Bình	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng 288 m2	2023-2025	389/QĐ-UBND 02/10/2023		2.363	1.200			1.200	2.363	1.200	
6	Nhà thi đấu đa năng Trường TH Hòa Hội	xã Hòa Hội	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng 288 m2	2023-2025	390/QĐ-UBND 02/10/2023		2.363	1.200			1.200	2.363	1.200	
7	Nhà thi đấu đa năng Trường THCS Thái Bình	xã Thái Bình	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng 288 m2	2023-2025	391/QĐ-UBND 02/10/2023		2.363	1.200			1.200	2.363	1.200	
8	Nhà thi đấu đa năng Trường TH Thanh Trung	xã Thanh Điền	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng 288 m2	2023-2025	392/QĐ-UBND 02/10/2023		2.363	1.200			1.200	2.363	1.200	

Biểu IV

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

(Kèm theo Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
	TỔNG						**974.100**	**909.105**	**849.356**	**656.250**	**52.855**	**915.082**	**709.105**	
II	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025**						**974.100**	**909.105**	**849.356**	**656.250**	**52.855**	**915.082**	**709.105**	
II.4	***Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025***						**28.726**	**15.855**	-	-	**15.855**	**28.726**	**15.855**	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						28.726	15.855	-	-	15.855	28.726	15.855	
1	Xây mới nhà làm việc Công an xã Bàu Năng	xã Bàu Năng	Xây mới: Nhà làm việc, hạng mục phụ	2022-2023	4686/QĐ-UBND 15/9/2022	5485/QĐ-UBND 31/10/2022	3.168	1.444			1.444	3.168	1.444	
2	Xây mới nhà làm việc Công an xã Truông Mít	xã Truông Mít	Xây mới: Nhà làm việc, hạng mục phụ	2022-2023	4687/QĐ-UBND 15/9/2022	5483/QĐ-UBND 31/10/2022	3.168	1.433			1.433	3.168	1.433	
3	Xây mới nhà làm việc Công an xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	Xây mới: Nhà làm việc, hạng mục phụ	2022-2023	4686/QĐ-UBND 15/9/2022	5478/QĐ-UBND 31/10/2022	3.196	1.518			1.518	3.196	1.518	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
4	Xây mới nhà làm việc Công an xã Chà Là	xã Chà Là	Xây mới: Nhà làm việc, hạng mục phụ	2023-2025	7146/QĐ-UBND 23/11/2022		3.199	1.900			1.900	3.199	1.900	
5	Xây mới nhà làm việc Công an xã Phan	xã Phan	Xây mới: Nhà làm việc, hạng mục phụ	2023-2025	7145/QĐ-UBND 23/11/2022		3.199	1.900			1.900	3.199	1.900	
6	Xây mới nhà làm việc Công an xã Phước Minh	xã Phước Minh	Xây mới: Nhà làm việc, hạng mục phụ	2023-2025	7143/QĐ-UBND 23/11/2022		3.199	1.906			1.906	3.199	1.906	
7	Xây mới nhà làm việc Công an xã Phước Ninh	xã Phước Ninh	Xây mới: Nhà làm việc, hạng mục phụ	2023-2025	7144/QĐ-UBND 23/11/2022		3.199	1.906			1.906	3.199	1.906	
8	Xây mới nhà làm việc Công an xã Cầu Khởi	xã Cầu Khởi	Xây mới: Nhà làm việc, hạng mục phụ	2023-2025	7157/QĐ-UBND 23/11/2022		3.199	1.900			1.900	3.199	1.900	
9	Xây mới nhà làm việc Công an xã Suối Đá	xã Suối Đá	Xây mới: Nhà làm việc, hạng mục phụ	2023-2025	7165/QĐ-UBND 23/11/2022		3.199	1.948			1.948	3.199	1.948	
II.5	***Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025***										*37.000*	*37.000*	*37.000*	
1	Chưa phân khai chi tiết										37.000	37.000	37.000	

Biểu V

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

THỊ XÃ TRẢNG BÀNG

(Kèm theo Quyết định số 2710/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
	TỔNG						**1.181.674**	**865.190**	**889.489**	**625.600**	**75.155**	**969.693**	**700.755**	
II	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025**						**957.507**	**731.332**	**788.463**	**560.930**	**75.155**	**868.667**	**636.085**	
II.4	***Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025***						**9.804**	**4.755**	-	-	**4.755**	**9.804**	**4.755**	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						**9.804**	**4.755**	-	-	**4.755**	**9.804**	**4.755**	
1	Xây dựng trụ sở công an xã Phước Chỉ	xã Phước Chỉ, TX Trảng Bàng	Xây mới	2023-2025	8090/QĐ-UBND 21/12/2022	2583/QĐ-UBND 24/4/2023	3.168	1.510			1.510	3.168	1.510	
2	Xây dựng trụ sở công an xã Hưng Thuận	xã Hưng Thuận, TX Trảng Bàng	Xây mới	2023-2025	8091/QĐ-UBND 21/12/2022	2584/QĐ-UBND 24/4/2023	3.467	1.730			1.730	3.467	1.730	
3	Xây dựng trụ sở công an xã Đôn Thuận	xã Đôn Thuận, TX Trảng Bàng	Xây mới	2022-2024	7016/QĐ-UBND 20/10/2022	2585/QĐ-UBND 24/4/2023	3.169	1.515			1.515	3.169	1.515	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư / QĐ đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
II.5	***Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025***										**70.400**	**70.400**	**70.400**	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025										**70.400**	**70.400**	**70.400**	
1	Chưa phân khai chi tiết										70.400	70.400	70.400	

Biểu VI

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

HUYỆN GÒ DẦU

(Kèm theo Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
	TỔNG						**1.557.651**	**1.218.621**	**640.295**	**529.250**	**50.095**	**703.135**	**579.345**	
II	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025**						**1.557.651**	**1.218.621**	**640.295**	**529.250**	**50.095**	**703.135**	**579.345**	
II.4	***Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025***						*25.430*	*12.685*			*12.685*	*25.430*	*12.685*	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						**25.430**	**12.685**			**12.685**	**25.430**	**12.685**	
1	Nhà làm việc công an xã Hiệp Thạnh	Xã Hiệp Thạnh	Xây mới Khối nhà làm việc (khối nhà 2 tầng có diện tích sàn xây dựng 412,0 m²).	2022-2023	2522/QĐ-UBND 01/7/2022	5126/QĐ-UBND 15/11/2022	3.170	1.550			1.550	3.170	1.550	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
2	Nhà làm việc công an xã Phước Trạch	Xã Phước Trạch	Xây mới Khối nhà làm việc (khối nhà 2 tầng có diện tích sàn xây dựng 409,2 m²).	2022-2023	2523/QĐ-UBND 01/7/2022	5125/QĐ-UBND 15/11/2022	3.170	1.550			1.550	3.170	1.550	
3	Nhà làm việc công an xã Cẩm Giang	Xã Cẩm Giang	+ Xây mới khối nhà làm việc + Các hạng mục phụ: Xây mới nhà xe 02 bánh, nền sân bê tông đá 1x2 và khắc chữ bảng tên.	2022-2023	2520/QĐ-UBND 01/7/2022	5124/QĐ-UBND 15/11/2022	3.161	1.550			1.550	3.161	1.550	
4	Nhà làm việc công an xã Thạnh Đức	Xã Thạnh Đức	+ Xây mới khối nhà làm việc + Các hạng mục phụ: san lấp và kè chắn đất, xây mới hàng rào lưới B40, nền sân bê tông đá 1x2.	2022-2023	2521/QĐ-UBND 01/7/2022	5127/QĐ-UBND 15/11/2022	3.249	1.550			1.550	3.249	1.550	
5	Nhà làm việc công an xã Bàu Đồn	Xã Bàu Đồn	- Xây mới Khối nhà làm việc (khối nhà 2 tầng có diện tích sàn xây dựng 403,7 m²).	2022-2024	2525/QĐ-UBND 01/7/2022		3.170	1.835			1.835	3.170	1.835	
6	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	Xã Phước Đông	- Xây mới khối nhà làm việc (khối nhà 2 tầng, diện tích sàn xây dựng): 427,1 m2.	2022-2024	2526/QĐ-UBND 01/7/2022		3.170	1.550			1.550	3.170	1.550	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
7	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	Xã Phước Thạnh	- Xây mới khối nhà làm việc (khối nhà 2 tầng, diện tích sàn xây dựng): 493,6 m2.	2022-2024	2524/QĐ-UBND 01/7/2022	2041/QĐ-UBND 23/6/2023	3.170	1.550			1.550	3.170	1.550	
8	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	Xã Thanh Phước	- Xây mới khối nhà làm việc - Các hạng mục phụ: + Nhà xe 02 bánh + Sân nền bê tông đá 1x2 (diện tích: 178,1 m2)	2022-2024	2527/QĐ-UBND 01/7/2022	2043/QĐ-UBND 23/6/2023	3.170	1.550			1.550	3.170	1.550	
II.5	***Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025***										***37.410***	***37.410***	***37.410***	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025										**37.410**	**37.410**	**37.410**	
1	Chưa phân khai chi tiết										37.410	37.410	37.410	

Biểu VII

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

HUYỆN BẾN CẦU

(Kèm theo Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
	TỔNG						**369.765**	**269.456**	**814.877**	**470.500**	**19.025**	**836.117**	**489.525**	
II	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025**						**369.765**	**269.456**	**814.877**	**470.500**	**19.025**	**836.117**	**489.525**	
II.4	***Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025***						***4.171***	***1.956***			***7.925***	***10.140***	***7.925***	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						**4.171**	**1.956**			7.925	**10.140**	**7.925**	
1	Trụ sở làm việc Công an xã An Thạnh	xã An Thạnh	Xây mới	2021-2025	5240/QĐ-UBND 07/12/2021		4.171	1.956			1.956	4.171	1.956	Đơn vị điều chỉnh lại cơ cấu nguồn vốn của QĐ CTĐT để phù hợp với nguồn vốn bố trí
2	Còn chưa phân khai chi tiết										5.969	5.969	5.969	
II.5	***Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025***										11.100	11.100	11.100	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025										**11.100**	**11.100**	**11.100**	
1	Chưa phân khai chi tiết										11.100	11.100	11.100	

Biểu VIII

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

HUYỆN TÂN BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
	TỔNG						**1.177.325**	**1.017.786**	**767.148**	**504.250**	**15.015**	**794.804**	**519.265**	
II	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025**						**873.038**	**833.499**	**606.148**	**463.250**	**15.015**	**633.804**	**478.265**	
II.4	***Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025***						***22.156***	***9.515***	-	-	***9.515***	***22.156***	***9.515***	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						**22.156**	**9.515**	-	-	**9.515**	**22.156**	**9.515**	
1	Nhà làm việc Công an xã Mỏ Công	xã Mỏ Công	Xây mới	2022-2023	4764/QĐ-UBND 03/11/2022	4938/QĐ-UBND 10/11/2022; 5380/QĐ-UBND 14/12/2022 (đc)	3.615	1.585			1.585	3.615	1.585	
2	Nhà làm việc Công an xã Tân Lập	xã Tân Lập	Xây mới	2023-2025	3095/QĐ-UBND 10/8/2022	6374/QĐ-UBND 30/12/2022	3.321	1.585			1.585	3.321	1.585	
3	Nhà làm việc Công an xã Tân Phong	xã Tân Phong	Xây mới	2023-2025	3094/QĐ-UBND 10/8/2022	6377/QĐ-UBND 30/12/2022	3.563	1.585			1.585	3.563	1.585	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
4	Nhà làm việc Công an xã Trà Vong	xã Trà Vong	Xây mới	2023-2025	3097/QĐ-UBND 10/8/2022	6376/QĐ-UBND 30/12/2022	3.654	1.585			1.585	3.654	1.585	
5	Nhà làm việc Công an xã Thạnh Bắc	xã Thạnh Bắc	Xây mới	2023-2025	3098/QĐ-UBND 10/8/2022	6420/QĐ-UBND 30/12/2022	3.553	1.585			1.585	3.553	1.585	
6	Nhà làm việc Công an xã Hòa Hiệp	xã Hòa Hiệp	Xây mới	2023-2025	3446/QĐ-UBND 23/08/2022		4.450	1.590			1.590	4.450	1.590	
II.5	***Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025***										***5.500***	***5.500***	***5.500***	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025										**5.500**	**5.500**	**5.500**	
1	Chưa phân khai chi tiết										5.500	5.500	5.500	

Biểu IX

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

HUYỆN TÂN CHÂU

(Kèm theo Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
A	B	1	2	3	4		5	6						17
	TỔNG						**1.484.659**	**1.450.438**	**879.713**	**664.250**	**30.285**	**914.756**	**694.535**	
II	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025**						**1.408.097**	**1.373.876**	**861.128**	**645.665**	**30.285**	**896.171**	**675.950**	
II.4	***Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2021-2025***						***9.513***	***4.755***	-	-	***12.685***	***17.443***	***12.685***	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025						**9.513**	**4.755**	-	-	**12.685**	**17.443**	**12.685**	
1	Trụ sở Công an xã Tân Phú	xã Tân Phú	Xây dựng mới	2022-2025	3942/QĐ-UBND 17/10/2022		3.171	1.585			1.585	3.171	1.585	
2	Trụ sở Công an xã Tân Hòa	xã Tân Hòa	Xây dựng mới	2022-2025	3943/QĐ-UBND 17/10/2022		3.171	1.585			1.585	3.171	1.585	
3	Trụ sở Công an xã Tân Hội	xã Tân Hội	Xây dựng mới	2022-2025	3944/QĐ-UBND 17/10/2022		3.171	1.585			1.585	3.171	1.585	
4	Chưa phân khai chi tiết										7.930	7.930	7.930	
II.5	***Hỗ trợ dự án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025***										***17.600***	***17.600***	***17.600***	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trước khi điều chỉnh		Điều chỉnh giảm (-) /tăng (+)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Ghi chú
					Số QĐ CTĐT, ngày, tháng, năm ban hành	Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh						
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025										**17.600**	**17.600**	**17.600**	
1	Chưa phân khai chi tiết										17.600	17.600	17.600	